TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 7-2018
V/v :"*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Hồng Ngọc
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Xuân Tiến
2. Ông Tạ Văn Đài

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Ông Phan Đăng Định – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc "*Ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phùng Văn H**, sinh năm 1949
HKTT: 37/41, ấp Q L, xã QT, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Bà **Bùi Thị Anh V,** sinh năm 1958
HKTT: 37/41, ấp Q L, xã QT, huyện TB, tỉnh Đồng Nai
(Ông H có mặt, bà V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên Tòa ông Phùng Văn H trình bày:

Ông H và bà Bùi Thị Anh V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện VT, thành phố Cần Thơ ngày 15/9/1979, giấy chứng nhận kết hôn số 81/1979. Cuộc sống chung của vợ chồng ông không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu tính nhau, về lối sống, quan điểm sống không phù hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Từ năm 2014 bà V bỏ nhà đi đâu không ai biết, ông đã báo công an xã và tìm mọi cách để tìm kiếm nhưng không có kết quả hay thông tin gì từ bà V. Đến năm 2016 ông đã yêu cầu Tòa án tuyên bố bà V mất tích và đã Tòa án đã tuyên bố bà Bùi Thị Anh V mất tích

theo quyết định giải quyết việc dân sự số 21/2016/QĐST-VDS ngày 05/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom. Đến nay, bà V vẫn biệt tích, ông và các con không biết bà V đang ở đâu, làm gì và thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên ông xin Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà V.

- **Về con chung**: Vợ chồng ông có 03 con chung là Phùng Khắc H, sinh ngày 01/8/1981, Phùng Thế T, sinh ngày 11/3/1985, Phùng Hiếu N, sinh ngày 18/01/1991. Các con đều đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung**: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về Nợ chung**: Ông cam kết vợ chồng tôi không có nợ chung.

- **Về án phí**: Ông xin tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng của ông H và bà V kết quả xác minh thể hiện quá trình chung sống vợ chồng ông H và bà V không hạnh phúc và bà V đã bỏ đi từ năm 2014 đến nay không thấy về. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án cho bà V nhưng bà V không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông H và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tòa án đã nhiều lần niêm yết Thông báo, giấy triệu tập bà V đến Tòa án để lấy lời khai đối chất; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà V không đến Tòa án làm việc.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án. Về nội dung tranh chấp: Cuộc sống hôn nhân của ông Phùng Văn H, bà Bùi Thị Anh V không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H. Các con ông H, bà V gồm Phùng Khắc H, sinh ngày 01/8/1981, Phùng Thế T, sinh ngày 11/3/1985, Phùng Hiếu N, sinh ngày 18/01/1991 đã trưởng thành ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét. Ông H khai không có nợ chung, tài sản chung tự thỏa thuận và bà V cũng không có ý kiến nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Về tố tụng: Bà Bùi Thị Anh V đã được Tòa án tuyên bố mất tích nên Tòa án không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà V được. Để đảm bảo thủ tục tố tụng, Văn phòng Thừa Phát lại, Tòa án và Chính quyền địa phương đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tống đạt trực tiếp cho bà V được và niêm yết: "Thông báo thụ lý vụ án", "Giấy triệu tập", "Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải", "Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải", "Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ" tại địa chỉ nơi bà V cư trú cuối cùng, tại trụ

sở UBND xã Q T và trụ sở Tòa án (các bút lục số 27 – 30, 35 – 38, 42 – 45, 53 – 56) đúng thời hạn luật định nhưng bà V vẫn không đến Tòa án làm việc. Do bà V đã được thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải được. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa do vắng mặt bà V cũng đã được tiến hành niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy bà V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà V vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Ông H yêu cầu ly hôn với bà V, các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các nội dung này đã được Tòa án ghi rõ trong các Thông báo mà bà V đã được niêm yết hợp lệ nhưng bà V không có ý kiến phản đối, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai, lời trình bày của ông H, kết quả xác minh tại địa phương thì thấy cuộc sống chung của ông H và bà V không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trên thực tế, bà V đã bỏ đi khỏi nhà và địa phương từ năm 2014 đến nay, không quan tâm, chăm sóc chồng con. Tòa án đã nhiều lần niêm yết hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải cho bà V để tiến hành hòa giải nhưng bà V không đến, cho thấy bà V không có thiện chí trở về đoàn tụ với ông H. Đồng thời bà V đã mất tích theo quyết định giải quyết việc dân sự số 21/2016/QĐST-VDS ngày 05/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom theo quy định tại Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy yêu cầu của ông H về việc xin ly hôn với bà V là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Phùng Văn H và bà Bùi Thị Anh V có 03 con là Phùng Khắc H, sinh ngày 01/8/1981, Phùng Thế T, sinh ngày 11/3/1985, Phùng Hiếu N, sinh ngày 18/01/1991. Ông H trình bày các con đều đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà V không có mặt không có ý kiến nên Tòa không xem xét.

[3] Về nợ chung và tài sản chung: Ông H cam kết ông và bà V không có nợ chung, tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà V đã được Tòa án thông báo về các ý kiến, yêu cầu này của ông H nhưng cũng không có ý kiến gì. Do vậy Tòa án không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của ông H, bà V trong vụ án này.

[4] Về án phí ly hôn: Ông Phùng Văn H được miễn tiền tạm ứng án phí theo điểm đ khoản 1 (khoản 2) Điều 12, Điều 15 và Điều 16 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều: 51, 56, 58, 81, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Các Điều: 28, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm đ khoản 1 (khoản 2) Điều 12, Điều 15 và Điều 16 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Phùng Văn H. Ông Phùng Văn H được ly hôn với bà Bùi Thị Anh V.

2. Về con chung: Có 03 con là Phùng Khắc H, sinh ngày 01/8/1981, Phùng Thế T, sinh ngày 11/3/1985, Phùng Hiếu N, sinh ngày 18/01/1991. Ông H trình bày các con đều đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Phùng Văn H khai tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Phùng Văn H khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Phùng Văn H được miễn tiền tạm ứng án phí.

6. Ông Phùng Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Bùi Thị Anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã T A, huyện V T, thành phố Cần Thơ (cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81, ngày 15/9/1979);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Hồng Ngọc